TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2023/DS-ST
Ngày 08-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Sơn Khem

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Gia An, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Âu Hoàng Mến – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Lê Thị Thu L**, sinh năm 1997. Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Minh T, sinh năm 1995. Địa chỉ: ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn*: 1. Anh **Trương Minh T1**, sinh năm 1987 (có mặt)
2. Chị **Đỗ Thị T2**, sinh năm 1991 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/02/2023 của nguyên đơn chị Lê Thị Thu L, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/01/2021, anh Võ Văn Ý - Chủ hộ kinh doanh T3 có thỏa thuận và ký hợp đồng bán thức ăn, thuốc thủy sản cho vợ chồng anh Trương Minh T1, chị Đỗ Thị T2.

Theo đó các bên thống nhất thỏa thuận: Anh Ý có nghĩa vụ cung cấp thức ăn mang nhãn hiệu Việt H và các loại thuốc, hóa chất phục vụ cho việc nuôi tôm theo đơn đặt hàng của vợ chồng anh T1, chị T2. Đơn giá được niêm yết tại cửa hàng và được xác định theo từng thời điểm và ghi nhận tại sổ giao nhận hàng. Hàng hóa được giao tại cửa hàng và anh T1, chị T2 đến lấy hoặc nhờ người nhà đến lấy theo đơn đặt hàng hoặc nhờ cửa hàng giao tận nhà. Sau khi nhận hàng thì tiến hành kiểm tra về số lượng, đơn giá, chất lượng, chủng loại sau khi thống nhất thì ký xác nhận vào sổ giao nhận hàng. Về phương thức thanh toán, hai bên thống nhất thỏa thuận vợ chồng anh T1, chị T2 sẽ thanh toán cho anh Ý dứt điểm tiền nợ khi thu hoạch tôm, trường hợp nuôi thất vẫn phải thanh toán dứt điểm công nợ. Trong trường hợp thu hoạch tôm không thanh toán dứt công nợ thì anh Ý có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và yêu cầu vợ chồng anh T1, chị T2 thanh toán hết tiền hàng.

Anh Ý đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình. Sau khi nhận hàng anh T1, chị T2 không có ý kiến về số lượng, chất lượng, chủng loại, đơn giá sản phẩm. Tuy nhiên, đến cuối vụ thu hoạch tôm ngày 23/6/2022 thì anh T1, chị T2 chỉ thanh toán cho anh Ý số tiền 25.000.000 đồng. Sau đó, anh Ý đã nhiều lần liên hệ và yêu cầu vợ chồng anh T1, chị T2 thanh toán số tiền còn lại là 90.982.000 đồng, nhưng đến nay vợ chồng anh T1, chị T2 chưa thanh toán kết thúc.

Ngày 28/7/2022, anh Võ Văn Ý đã chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hoạt động kinh doanh Hộ kinh doanh T3 (do anh Ý làm chủ hộ) cho chị Lê Thị Thu L. Nay chị Lê Thị Thu L yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Buộc vợ chồng anh Trương Minh T1, chị Đỗ Thị T2 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho chị Lê Thị Thu L - Chủ hộ kinh doanh T3 số tiền nợ thức ăn và thuốc thủy sản là 90.982.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn vợ chồng anh Trương Minh T1, chị Đỗ Thị T2 trình bày:

Vào năm 2021, vợ chồng anh chị với Hộ kinh doanh T3 có thỏa thuận mua bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản nhằm mục đích để vợ chồng anh chị nuôi tôm.

Theo thỏa thuận, Hộ kinh doanh T3 bán thức ăn và thuốc thủy sản cho vợ chồng anh chị các sản phẩm như: Thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt H và các nhãn hiệu khác cùng thuốc và hóa chất cho nuôi trồng thủy sản. Về phương thức giao nhận hàng và phương thức thanh toán đúng như người đại diện theo ủy quyền cho Hộ kinh doanh T3 trình bày.

Tính đến thời điểm hiện nay, vợ chồng anh chị còn nợ H1 kinh doanh Tân Quang Minh 2 số tiền là 90.982.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn, nuôi tôm thất nhiều vụ nên vợ chồng anh chị không có khả năng trả dứt điểm số nợ trên. Vợ chồng anh chị xin trả mỗi tháng là 1.000.000 đồng, nếu tháng nào có thu nhập nhiều thì vợ chồng anh chị sẽ trả nhiều hơn đến khi dứt nợ.

Tuy nhiên, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn không đồng ý theo phương án của bị đơn đưa ra và yêu cầu vợ chồng anh T1, chị T2 liên đới thanh toán dứt điểm khoản nợ trên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn vợ chồng ông Trương Minh T1, chị Đỗ Thị T2 liên đới trả số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản nuôi tôm còn thiếu cho nguyên đơn với số tiền là 90.982.000 đồng.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản, bị đơn có địa chỉ tại ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Trong khoảng thời gian từ năm 2021 đến năm 2022, anh Võ Văn Ý - Chủ hộ kinh doanh T3 có thỏa thuận (bằng hợp đồng) để bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho vợ chồng anh Trương Minh T1, chị Đỗ Thị T2. Việc hai bên mua bán có ký tên vào sổ giao nhận hàng. Khi kết toán lại, vợ chồng anh T1, chị T2 còn nợ anh Ý số tiền 90.982.000 đồng. Đến ngày 28/7/2023, anh Võ Văn Ý đã chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hoạt động kinh doanh Hộ kinh doanh T3 (do anh Ý làm chủ hộ) cho chị Lê Thị Thu L và được chứng thực tại Văn phòng Công chứng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, vợ chồng anh T1, chị T2 thừa nhận còn nợ đối với Hộ kinh doanh T3 (do anh Ý làm chủ hộ) số tiền nêu trên. Do đó, đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh, được quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Sau khi đối chiếu công nợ vào ngày 26/3/2022, vợ chồng anh T1, chị T2 còn nợ anh Võ Văn Ý số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản là 90.982.000 đồng. Sau thời

điểm nêu trên, chị Lê Thị Thu L (được anh Ý chuyển giao quyền và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động mua bán của anh Ý) đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh T1, chị T2 liên đới thanh toán nợ nhưng đến nay anh T1, chị T2 vẫn chưa thanh toán cho chị L là vi phạm nghĩa vụ trả tiền đối với hợp đồng mua bán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Từ những cơ sở phân tích nêu trên tại các mục số [3] và [4], Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn chị Lê Thị Thu L - Chủ hộ kinh doanh Tân Quang Minh 2 yêu cầu Tòa án buộc bị đơn vợ chồng anh Trương Minh T1, chị Đỗ Thị T2 liên đới thanh toán số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản còn thiếu 90.982.000 đồng là có cơ sở chấp nhận và cần buộc vợ chồng anh T1, chị T2 liên đới thanh toán số tiền nêu trên cho chị L là đúng với quy định của pháp luật.

[6] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chị Lê Thị Thu L có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng vợ chồng anh Trương Minh T1, chị Đỗ Thị T2 phải liên đới trả lãi cho chị L theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Xét lời đề nghị của Vị Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thu L - Chủ hộ kinh doanh T3, về việc yêu cầu bị đơn vợ chồng anh Trương Minh T1, chị Đỗ Thị T2 liên đới trả số tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản còn thiếu đối với chị L là 90.982.000 đồng.

Buộc bị đơn vợ chồng anh Trương Minh T1, chị Đỗ Thị T2 liên đới thanh toán số tiền 90.982.000 đồng (*Chín mươi triệu, chín trăm tám mươi hai ngàn đồng*) cho chị Lê Thị Thu L - Chủ hộ kinh doanh T3.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chị Lê Thị Thu L - Chủ hộ kinh doanh Tân Quang Minh 2 có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng vợ chồng anh Trương Minh T1, chị Đỗ Thị T2 phải liên đới trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn vợ chồng anh Trương Minh T1, chị Đỗ Thị T2 phải liên đới chịu số tiền 4.549.100 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Nguyên đơn chị Lê Thị Thu L không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.274.550 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007905 ngày 13/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Đặng Văn Đua